

Số: 97/2024/QĐST-DS

Lập Vò, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 358/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Số D, khóm E, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phú L, sinh năm 1957; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số I, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1982;

2. Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số B, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của chị L1, anh P: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số I, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Phú L hoàn trả số tiền vốn vay là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ, năm trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

2.2. Ông Nguyễn Phú L đồng ý hoàn trả cho ông Lê Minh Đ số tiền vốn vay là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Ông **Lê Minh Đ** tự nguyện trả lại cho chị **Nguyễn Thị Kim L1** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính), số bìa DI 082993, số vào sổ cấp GCN: CS13231, được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 06 tháng 01 năm 2023 cho chị **Nguyễn Thị Kim L1** đứng tên quyền sử dụng đất, đất thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 1.300m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**.

2.4. Ông **Lê Minh Đ** tự nguyện trả lại cho ông **Nguyễn Phú L** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính), số bìa CB 075372, số vào sổ cấp GCN: CH04795, được **Ủy ban nhân dân huyện L** cấp ngày 11 tháng 01 năm 2016 cho ông **Nguyễn Phú L** đứng tên quyền sử dụng đất, đất thuộc thửa 189, tờ bản đồ số 16, diện tích 111,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại **thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**.

2.5. Về án phí:

- Ông **Nguyễn Phú L** tự nguyện nộp là 28.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông **L** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Lê Minh Đ** tự nguyện nộp là 28.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông **Đ** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Lấp Vò;
- Lưu hồ sơ vụ án. (T)

**THẨM PHÁN**

**Trần Hữu Phước**

